



NHÔM HỆ SƠN BẢO HÀNH

ZAVA  **20** YEAR
SURFACE FINISH WARRANTY

Giới thiệu về công ty

Giới thiệu về nhôm ZAVA

Giới thiệu về sơn bảo hành

Chính sách bảo hành

List mặt cắt hệ ZAVA 55

Sơ đồ lắp ghép cửa đi hệ ZAVA 55

List mặt cắt hệ Đa khoang

Sơ đồ lắp ghép hệ Đa khoang

List mặt cắt hệ Khung phào chắn song

Sơ đồ lắp ghép hệ Khung phào chắn song

List mặt cắt hệ Khung phào

Sơ đồ lắp ghép hệ Khung phào

List mặt cắt hệ Cửa lùa

Sơ đồ lắp ghép hệ Cửa lùa

List mặt cắt hệ Thuỷ lực

Sơ đồ lắp ghép hệ Thuỷ lực



Xuất bản vào tháng 8 năm 2026

TANMY
GROUP

CÔNG TY TNHH TÂN MỸ

Thành lập năm 1999, Tân Mỹ là một trong các doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam về lĩnh vực nhôm thanh kỹ thuật cao và sản phẩm gia dụng, cung cấp những giải pháp bền vững cho mọi công trình.

**27⁺** nămKinh nghiệm
phát triển**02** nhà máyKhu CN Thạch Thất
- Quốc Oai**500⁺** nhân sựĐội ngũ kỹ thuật và
sản xuất**34** tỉnh thànhMạng lưới
phân phối

Hệ thống dây chuyền đùn ép nhôm công suất lớn kết hợp công nghệ xử lý bề mặt hiện đại cùng chất lượng ISO 9001:2015 giúp TÂN MỸ tạo ra dòng sản phẩm nhôm định hình chất lượng, ứng dụng rộng rãi trong cơ khí, xây dựng, dân dụng và công nghiệp.

“ TÂN MỸ - Trường tồn cùng thời gian ”

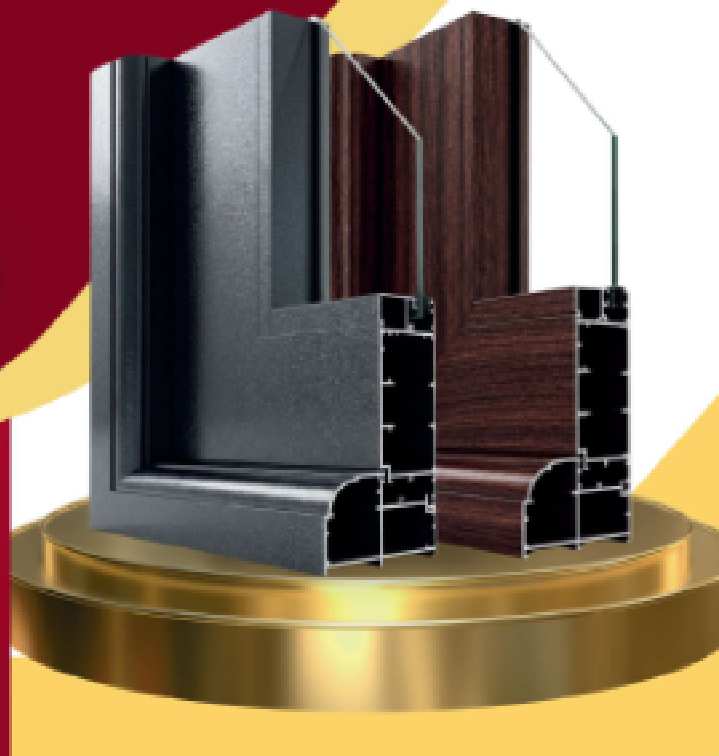


NHÔM HỆ SƠN BẢO HÀNH

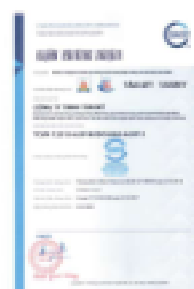
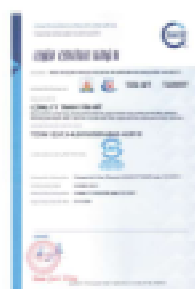
ZAVA

Nhôm hệ **ZAVA** là dòng sản phẩm Nhôm chất lượng cao được phát triển với định hướng mang đến những giải pháp bền vững cho công trình. Sản phẩm được chú trọng về **độ bền lớp hoàn thiện**, khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu Việt Nam và thuận tiện trong quá trình thi công và lắp đặt.

Với định hướng đặt chất lượng và sự minh bạch lên hàng đầu, Nhôm hệ ZAVA cam kết mang đến các sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao cùng chính sách bảo hành rõ ràng. Trong đó, màng sơn tĩnh điện được bảo hành lên đến **20 năm** và màng film vân gỗ được bảo hành lên đến **15 năm**, góp phần đảm bảo quyền lợi và sự an tâm cho khách hàng trong suốt quá trình sử dụng.



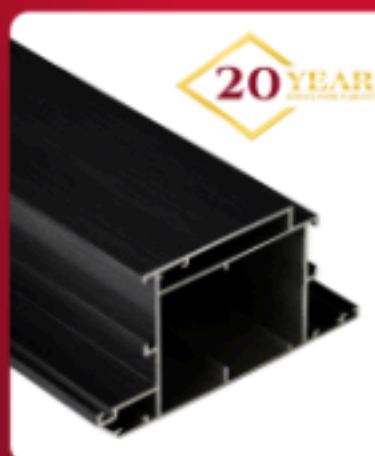
CHỨNG CHỈ





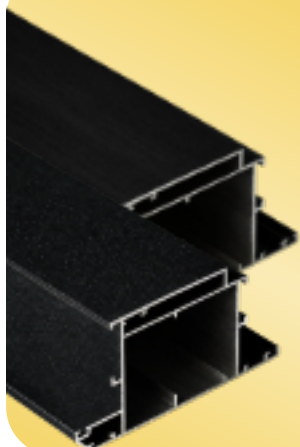
ZAVA lựa chọn hệ sơn **AkzoNobel** – thương hiệu sơn phủ uy tín thế giới với hơn 200 năm trong lĩnh vực sơn và giải pháp hoàn thiện bề mặt. Sự kết hợp này giúp ZAVA hướng tới những sản phẩm nhôm không chỉ có vẻ đẹp hiện đại mà còn đáp ứng yêu cầu về độ bền và tính thẩm mỹ trong kiến trúc.

Bên cạnh chất lượng hoàn thiện, ZAVA tập trung phát triển những gam màu có tính ứng dụng cao và phù hợp với xu hướng kiến trúc hiện đại. Trong đó, **Xám Đá, Ghi Meta và Vân Gỗ Trắc** là những lựa chọn tiêu biểu, mang đến ba sắc thái khác nhau – mạnh mẽ, tinh tế và tự nhiên – phù hợp với nhiều phong cách công trình.

**MÀU XÁM ĐÁ***Cá tính - sang trọng***MÀU GHI METALLIC***Hiện đại - Thời thượng***MÀU VÂN GỖ TRẮC***Cổ điển - Bền vững***TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SƠN**

Chất lượng sơn được ZAVA xây dựng dựa trên quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng sơn tĩnh điện tham chiếu các chỉ tiêu kỹ thuật tương đương tiêu chuẩn **AAMA 2604 của Hiệp hội Vật liệu Kiến trúc Hoa Kỳ** (American Architectural Manufacturers Association).

Đây là nền tảng để ZAVA nâng cao độ bền của màng sơn, góp phần bảo vệ bề mặt nhôm và duy trì vẻ đẹp của công trình theo thời gian.



ĐỐI VỚI SƠN TĨNH ĐIỆN

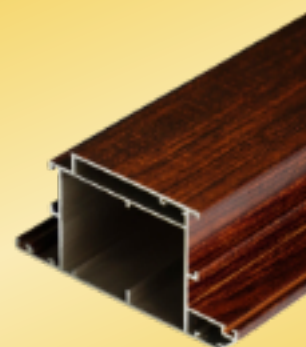
Sản phẩm được áp dụng chính sách **bảo hành màng sơn lên đến 20 năm** đối với các hiện tượng bong tróc.

Bên cạnh đó, **màu sắc và độ bóng bề mặt** được cam kết **bảo hành 15 năm**, đảm bảo độ phai màu luôn nằm trong ngưỡng kiểm soát với chỉ số Delta E < 5, đồng thời duy trì độ bóng còn lại sau 15 năm đạt từ 50% trở lên.

ĐỐI VỚI MÀNG PHIM VÂN GỖ

Sản phẩm được áp dụng chính sách **bảo hành màng phim lên đến 15 năm** đối với hiện tượng bong tróc.

Bên cạnh đó, **màu sắc và độ bóng bề mặt** được cam kết **bảo hành 10 năm**, đảm bảo độ phai màu luôn được kiểm soát với chỉ số Delta E < 5, đồng thời duy trì độ bóng còn lại sau 10 năm đạt từ 50% trở lên.



QUY TRÌNH BẢO HÀNH NHÔM ZAVA



Kích hoạt bảo hành

Đăng ký thông tin sản phẩm sau khi hoàn thiện lắp đặt trên ứng dụng.



Xác nhận thông tin

ZAVA tiếp nhận và xác nhận thông tin bảo hành.



Tiếp nhận yêu cầu

Khi phát sinh vấn đề, khách hàng thực hiện gửi yêu cầu trên ứng dụng.



Kiểm tra & đánh giá

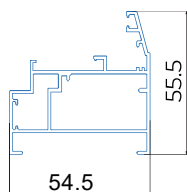
Kỹ thuật viên kiểm tra tình trạng thực tế và xác định nguyên nhân.



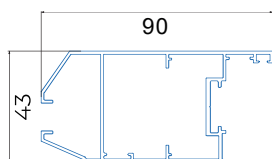
Thực hiện bảo hành

Thực hiện phương án bảo hành phù hợp theo chính sách của ZAVA.

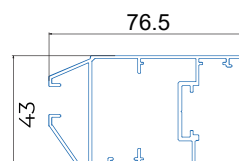
Để tìm hiểu thông tin chi tiết, vui lòng gọi **HOTLINE: 0967 501 338** hoặc truy cập zava.com.vn

Khung bao dùm chung


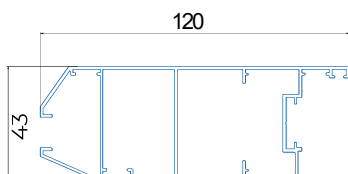
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 101	04/bó	1.15mm	5.34kg/6m

Cánh cửa đi phẳng


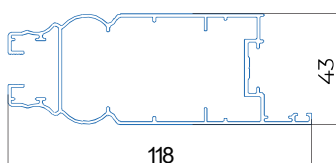
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 201	04/bó	1.15mm	6.3kg/6m

Cánh cửa sổ phẳng


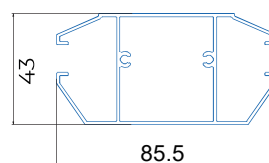
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 301	04/bó	1.15mm	5.89kg/6m

Cánh cửa đi bản 120 phẳng


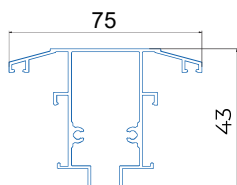
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 501	02/bó	1.15mm	8.05kg/6m

Cánh cửa đi phào cải tiến


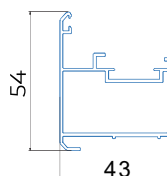
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 502	02/bó	1.15mm	8.19kg/6m

Đố chia cánh


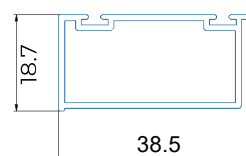
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 302	04/bó	1.15mm	6.43kg/6m

Đố chia khung


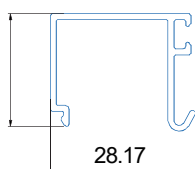
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 402	04/bó	1.15mm	5.86kg/6m

Đố động


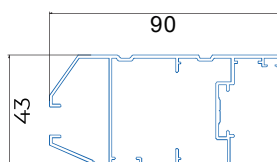
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 403	04/bó	1.15mm	4.11kg/6m

Ốp chân


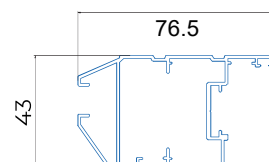
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 503	06/bó	1.15mm	2.30kg/6m

Sập khung bao


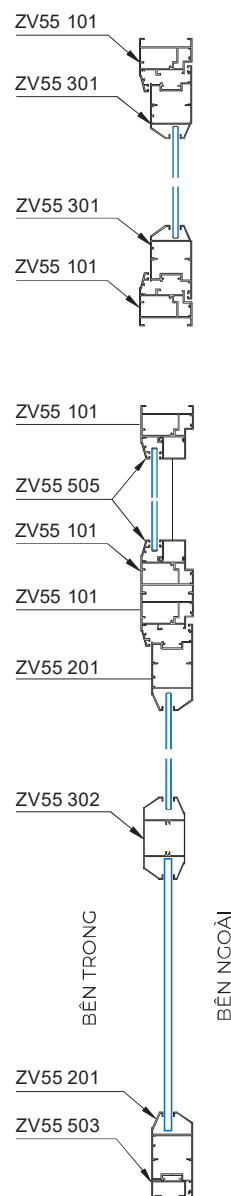
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 505	08/bó	1.15mm	1.69kg/6m

Cánh cửa đi có gân


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 201A	04/bó	1.15mm	6.31kg/6m

Cánh cửa sổ có gân


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 301A	04/bó	1.15mm	5.84kg/6m



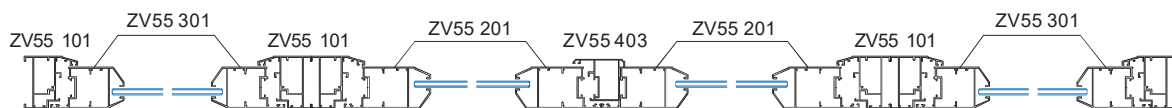
Màu xám đá



Màu ghi meta

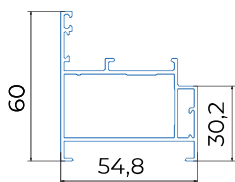


Màu vân gỗ trắc

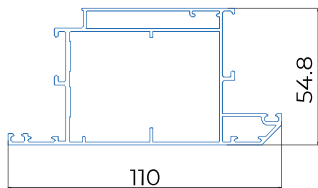


MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

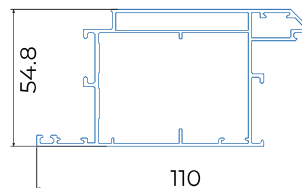
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZV55 101	1.15	5.34	1	ZV55 403	1.15	4.11
2	ZV55 201	1.15	6.30	2	ZV55 503	1.15	2.3
3	ZV55 301	1.15	5.09	3	ZV55 505	1.15	1.69

Khung bao cửa đi - cửa sổ


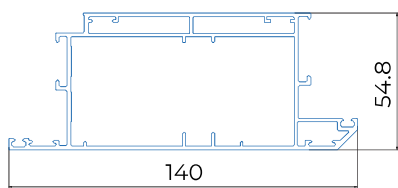
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 01	04/bó	1.2mm	5.72kg/6m

Cánh cửa đi bản 110 mở ngoài


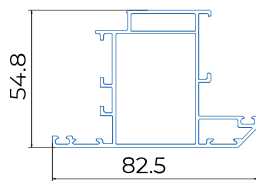
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 02	02/bó	1.2mm	9.02kg/6m

Cánh cửa đi bản 110 mở trong


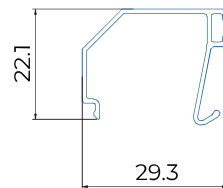
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 03	2/bó	1.2mm	9.02kg/6m

Cánh cửa đi bản 140


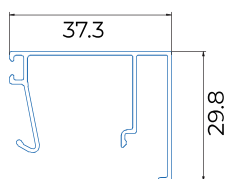
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 05	1/bó	1.6mm	13.23kg/6m

Cánh cửa sổ


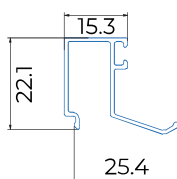
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 04	3/bó	1.2mm	7.17kg/6m

Sập vát kính dưới 13mm


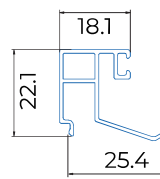
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 06	12/bó	0.9mm	1.34kg/6m

Sập khung kính dưới 13mm


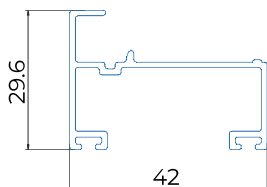
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 07	10/bó	0.9mm	2.05kg/6m

Sập cánh kính rèm


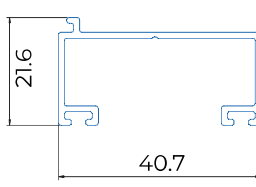
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 08	12/bó	0.9mm	1.34kg/6m

Sập cánh kính từ 13-22mm


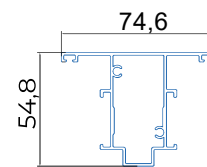
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 09	12/bó	0.9mm	1.61kg/6m

Che dưới cánh cửa đi


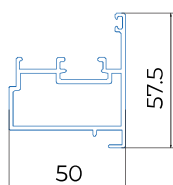
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3329A	6/bó	1.2mm	2.7kg/6m

Che dưới cánh cửa đi


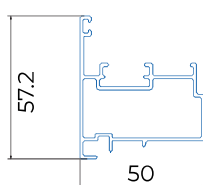
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3329	6/bó	1.2mm	2.18kg/6m

Đốt T khung bao


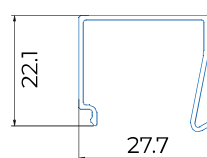
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3313A	4/bó	1.2mm	6.0kg/6m
TM XFC 3313A-MC	4/bó	1.1mm	5.3kg/6m

Đốt chuyển hướng cửa đi 4 cánh


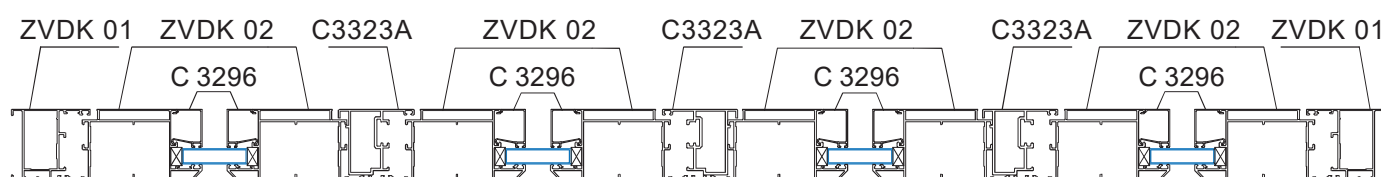
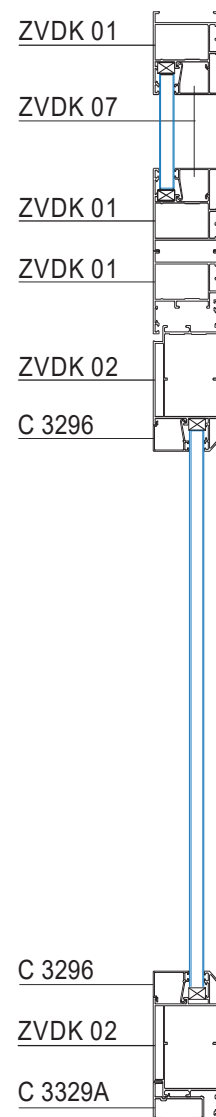
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3323A	4/bó	1.8mm	6.66kg/6m

Đốt chuyển hướng cửa đi 4 cánh XF 55


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3323AMC	4/bó	1.2mm	5.06kg/6m

Sập vuông cánh kính dưới 13mm


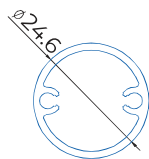
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3296	12/bó	0.9mm	1.41kg/6m
TM XFC 3296-MC	12/bó	0.8mm	1.29kg/6m



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

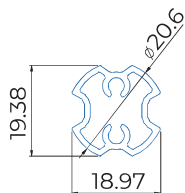
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZVDK 01	1.2	5.72	1	XFC 3296	0.8-0.9	1.29-1.41
2	ZVDK 02	1.2	9.02	2	XFC 3223A	1.8	6.66
3	ZVDK 07	0.9	2.05	3	XFC 3329A	1.2	2.7

Song tròn $\Phi 25$



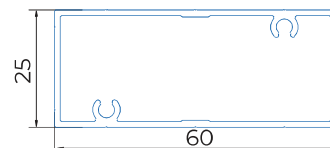
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS01	08/bó	1.50mm	2.17kg/6m

Bộ chỉ song tròn $\Phi 25$



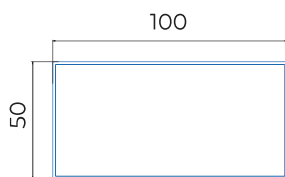
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS02	08/bó	1.20mm	1.79kg/6m

Cây chia song



Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS03	04/bó	1.20mm	3.88kg/6m

Hộp 50x100

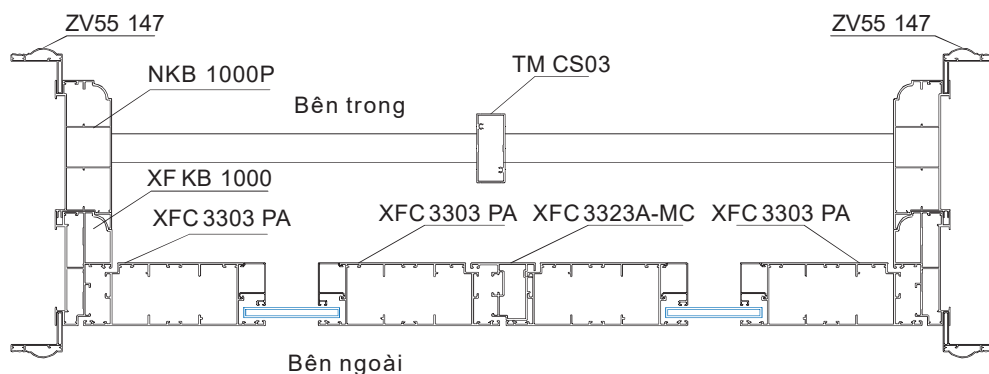
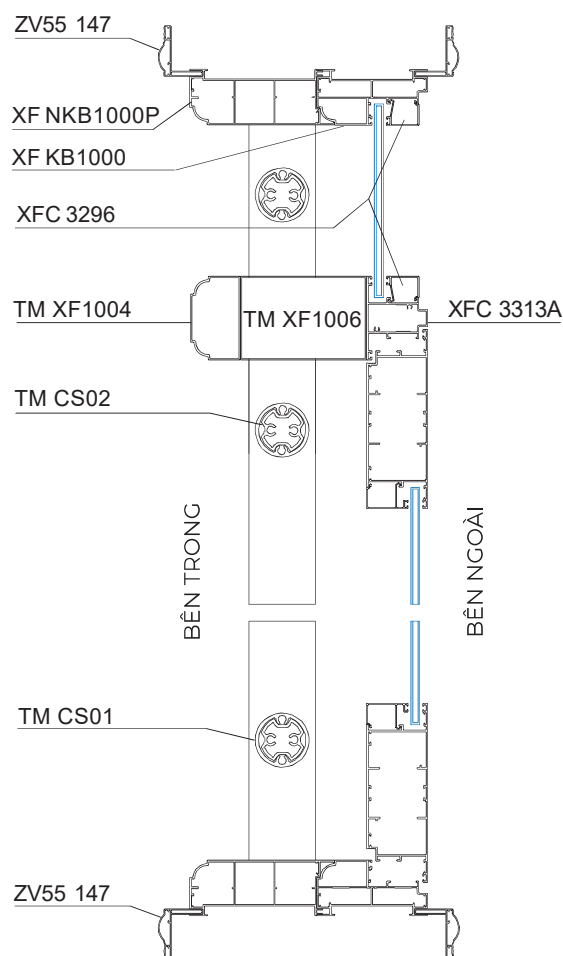


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS04	02/bó	1.20mm	6.06kg/6m

Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng

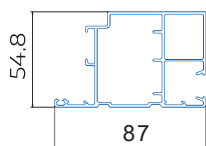
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng



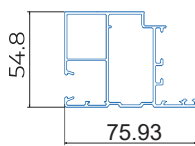


MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GẮP

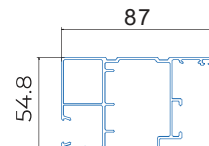
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZV55 147	1.15	5.34	1	NKB 1000P	1.4	11.67
2	TM CS03	1.15	6.3	2	XF NKB 1000	1.4	9.53
3	XFC 3303 PA	1.4	11.63	3	XFC 3296	0.8-0.9	1.29-1.41
4	XFC 3323A-MC	1.2	5.6				

Cánh cửa đi XF liền sập mở ngoài


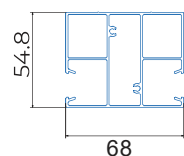
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3303-SL	2/bó	1.3mm	8.23kg/6m

Cánh cửa sổ XF liền sập


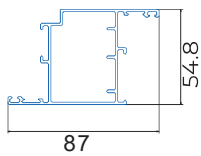
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3202-SL	2/bó	1.3mm	7.23kg/6m

Cánh cửa đi XF liền sập mở trong


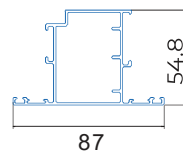
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3332-SL	2/bó	1.3mm	8.15kg/6m

Đổ T chia cánh XF liền sập


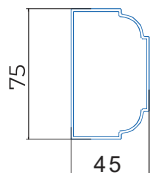
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3203-SL	2/bó	1.3mm	7.89kg/6m

Thanh cánh cửa đi mở trong XF 55 không gân


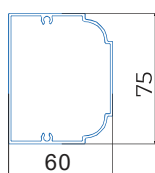
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3332-PH	2/bó	1.4mm	6.79kg/6m

Thanh cánh cửa đi mở ngoài XF 55 không gân


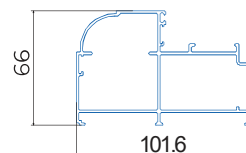
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303-PH	2/bó	1.4mm	6.84kg/6m

Nổi đổ 1004


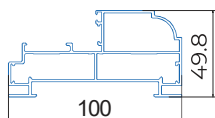
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF 1004	2/bó	1.4mm	5.45kg/6m

Nổi đổ 1154


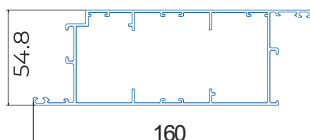
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF 1154	2/bó	1.4mm	6.54kg/6m

Khung bao XF liền phào 1001


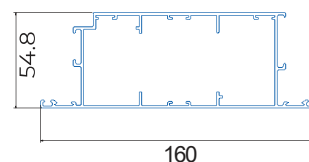
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFKB 1001P-1.6	1/bó	1.6mm	11.05kg/6m
TMXFKB 1001P-2.2	1/bó	2.2mm	13.63kg/6m

Khung bao XF liền phào 100


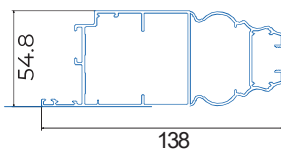
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFKB1000-1.6	1/bó	1.6mm	10.74kg/6m
TMXFKB1000-2.2	1/bó	2.2mm	13.13kg/6m

Cánh XF bản 160 mở trong


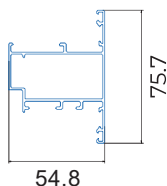
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3332PA-1.6	1/bó	1.6mm	13.02kg/6m
TMXFC3332PA-2.2	1/bó	2.2mm	14.66kg/6m

Cánh XF bản 160 mở ngoài


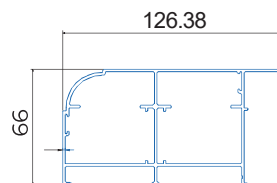
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3303PA-1.6	1/bó	1.6mm	12.96kg/6m
TMXFC3303PA-2.2	1/bó	2.2mm	14.66kg/6m

Cánh XF phào bản 140


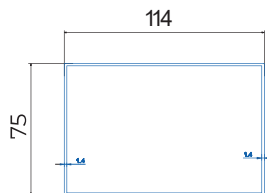
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303P-1.6	1/bó	1.6mm	12.96kg/6m
TM XFC3303P-2.2	1/bó	2.2mm	16.10kg/6m

Thanh cánh cửa sổ XF 55 không gân


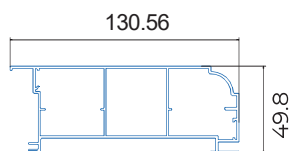
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3202-PH	2/bó	1.2mm	5.70kg/6m

Nối khung bao XF liền phào 1001


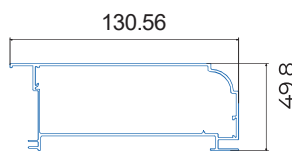
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF NKB 1001	1/bó	1.4mm	9.78kg/6m

Nối đồ bản to


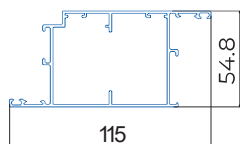
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF 1006	1/bó	1.4mm	8.77kg/6m

Nối khung bao XF liền phào


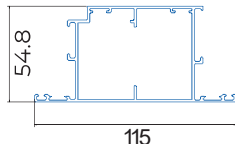
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFNB 1000P	1/bó	1.4mm	11.67kg/6m

Nối khung bao XF liền phào


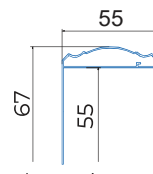
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFNB 1000S	1/bó	1.4mm	8.69kg/6m

Cánh XF bản 120 mở trong


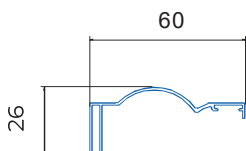
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303PS	1/bó	1.4mm	8.76kg/6m

Cánh XF bản 120 mở ngoài


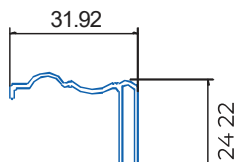
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303PS	1/bó	1.4mm	8.82kg/6m

Phào rút


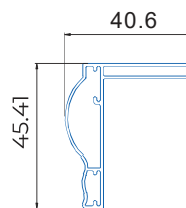
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV 55 148	6/bó	0.9mm	2.85kg/6m

Phào bản to


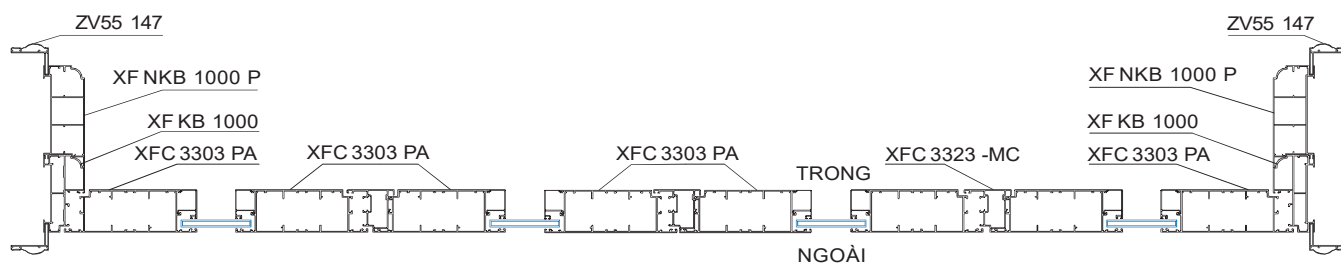
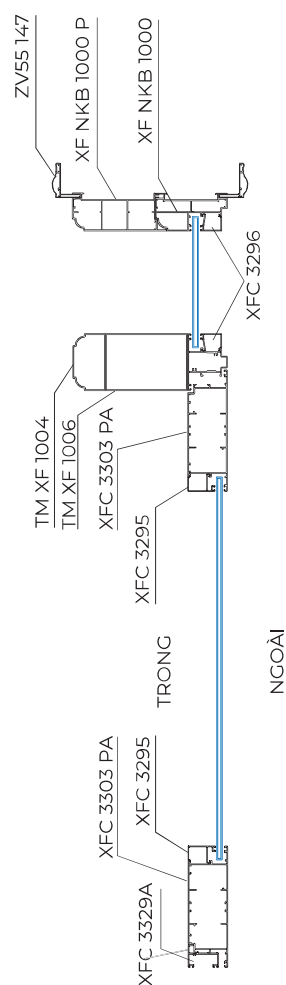
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF P TL11	6/bó	0.9mm	2.07kg/6m

Phào bản


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF P 1003	8/bó	0.9mm	1.44kg/6m

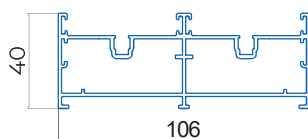
Phào


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 147	6/bó	0.9mm	2.65kg/6m

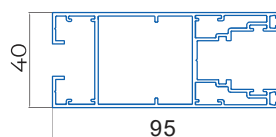


MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

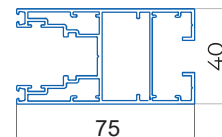
SỐ TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	SỐ TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	TM XF 1004	1.15	5.34	1	XFC 3303PA	1.4	11.63
2	TM XF 1006	1.15	6.3	2	XFC 3323-MC	1.2	5.6
3	ZV55 147	1.15	5.34	3	XF KB 1000	1.4	9.53
4	XFC 3295	0.8-0.9	1.52-1.63	4	XF NKB 1000P	1.4	11.67

Khung bao cửa lùa 100


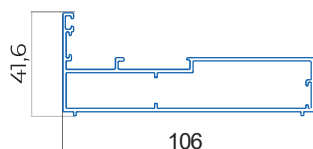
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD01	2/bó	1.40mm	9.18kg/6m

Cánh cửa đi lùa 100


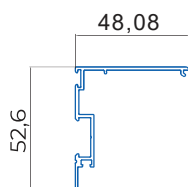
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD02	2/bó	1.40mm	9.65kg/6m

Cánh cửa sổ lùa 100


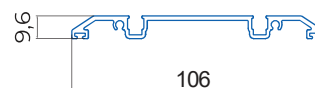
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD03	4/bó	1.40mm	7.97kg/6m

Khung bao ô chết cửa lùa 100


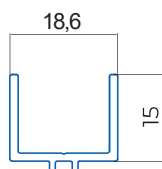
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD04	2/bó	1.40mm	6.858kg/6m

Móc cánh cửa đi 100


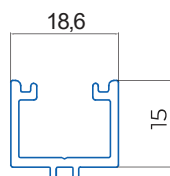
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD05	6/bó	1.40mm	2.69kg/6m

Ray thấp cửa đi lùa 100


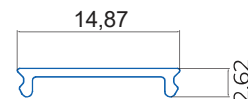
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD06	6/bó	2.0mm	4.79kg/6m

Dẫn hướng trên cửa lùa 100


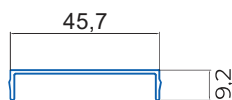
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD07	20/bó	1.40mm	1.1kg/6m

Hèm khoá 2 cánh cửa lùa 100


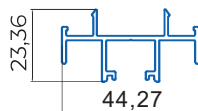
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD08	20/bó	1.40mm	1.34kg/6m

Ốp móc cửa lùa 100


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD09	40/bó	0.8mm	0.24kg/6m

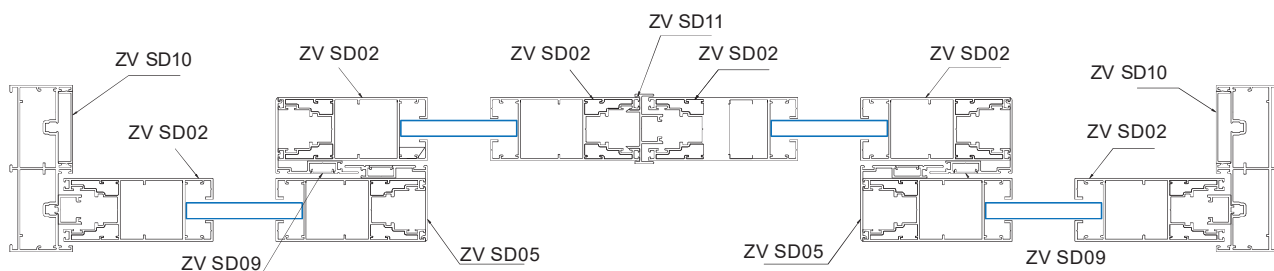
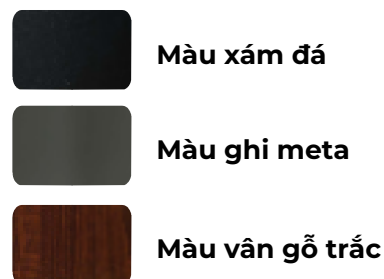
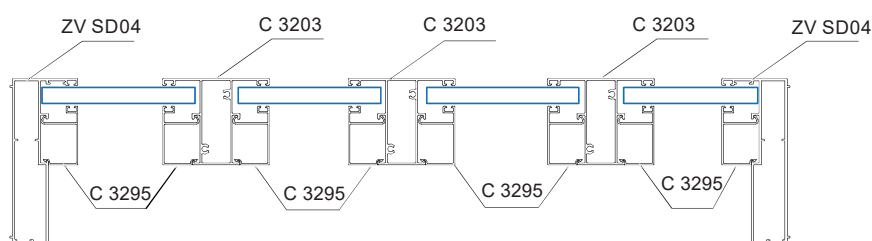
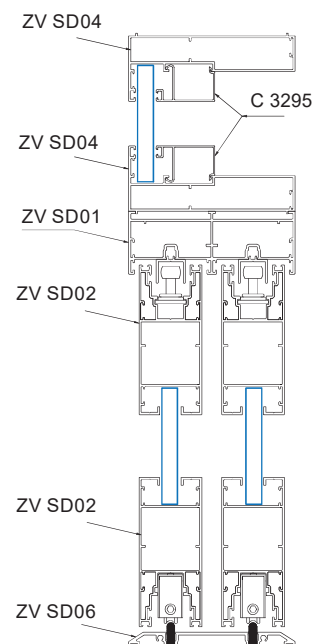
Ốp khung bao đứng cửa lùa 100


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS10	10/bó	1.20mm	1.21kg/6m

Đôi đầu 4 cánh


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS11	10/bó	1.40mm	2.59kg/6m

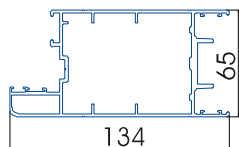
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

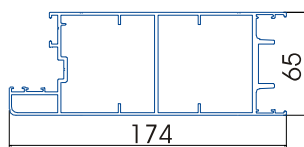
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZV SD01	1.4	9.18	1	ZV SD06	2.0	4.79
2	ZV SD02	1.4	9.65	2	ZV SD09	0.8	0.24
3	ZV SD04	1.4	6.858	3	ZV SD10	1.2	1.21
4	ZV SD05	1.4	2.6	4	ZV SD11	1.4	2.59

Cánh cửa thủy lực 65x140



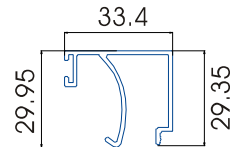
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6501	01/bó	1.8mm	16.03kg/6m

Cánh cửa thủy lực 65x180



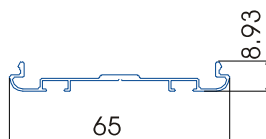
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6502	01/bó	1.8mm	20.61kg/6m

Sập cánh cửa thủy lực



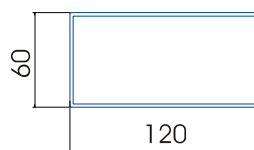
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6503	06/bó	1.25mm	2.55kg/6m

Ốp cánh cửa thủy lực



Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6504	08/bó	0.8mm	1.73kg/6m

Khung bao cửa thủy lực 60x120



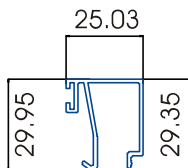
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6505	01/bó	2.0mm	11.83kg/6m

Khung bao cửa thủy lực 55x200



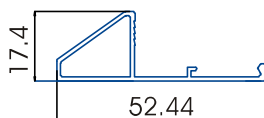
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6506	01/bó	2.0mm	16.88kg/6m

Sập kính hộp cửa thủy lực



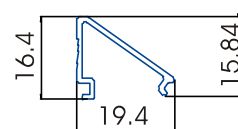
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6503A	10/bó	1.25mm	2.35kg/6m

Đế kính khung bao cửa thủy lực



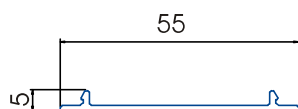
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6508	10/bó	1.0mm	1.81kg/6m

Sập đế khung bao cửa thủy lực



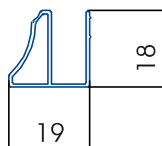
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6509	20/bó	1.0mm	0.82kg/6m

Nổi khung bao XF cửa thủy lực



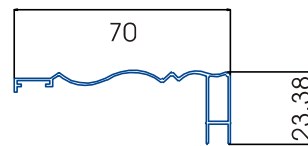
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6507	10/bó	1.3mm	1.66kg/6m

Phào góc cửa thủy lực



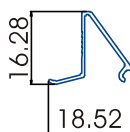
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6510	10/bó	0.8mm	1.04kg/6m

Ốp phào cửa thủy lực

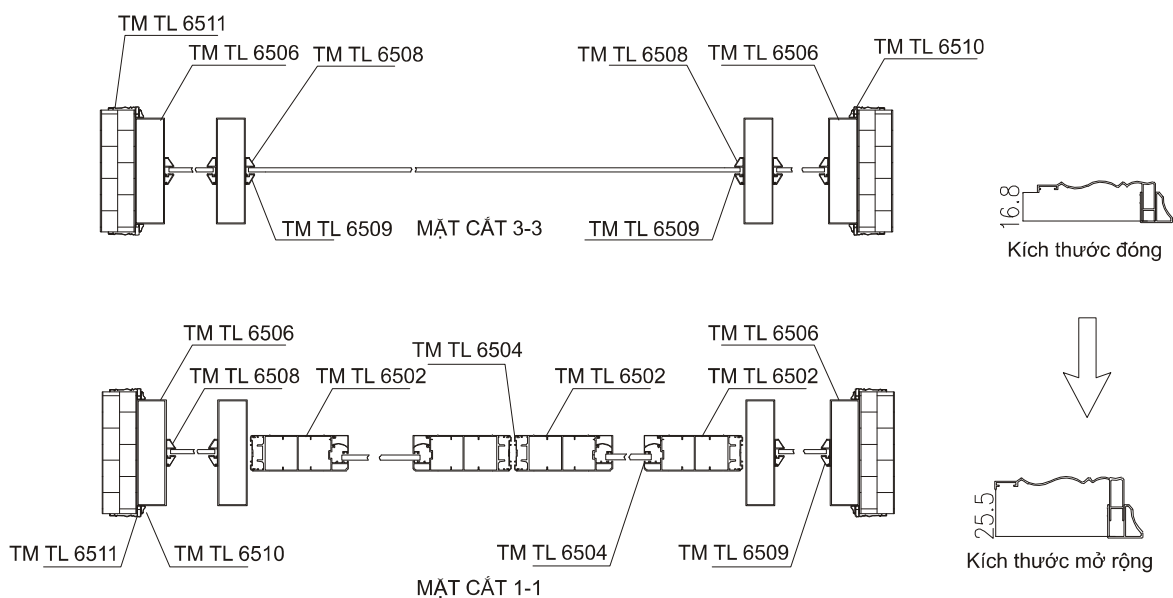
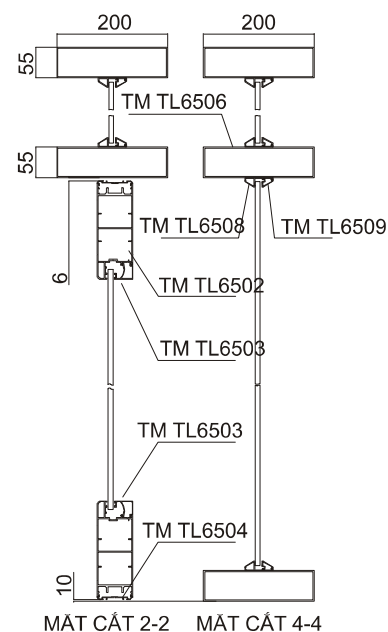


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6511	08/bó	0.8mm	1.93kg/6m

Sập đế khung bao kính hộp



Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM TL 6509A	20/bó	0.8mm	0.665kg/6m



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	TL 6502	1.8	19.47 - 21.8	1	TL 6508	1.8	1.71 - 1.92
2	TL 6503	1.25	2.41 - 2.7	2	TL 6509	1.0	0.77 - 0.87
3	TL 6504	0.8	1.63 - 1.83	3	TL 6510	0.8	0.98 - 1.10
4	TL 6506	2.0	15.95 - 17.8	4	TL 6511	0.8	1.82 - 2.04



CÔNG TY TNHH TÂN MỸ

Văn phòng: Số 20 ngõ 67 Đỗ Quang - Yên Hoà - Hà Nội

HOTLINE: 0967 501 338 - Điện thoại: 024 3225 2752

Nhà máy: KCN Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội

Email: vanphongcongty@tanmygroup.com.vn